

The history of Coffee

Lịch sử cà phê

CAM13

English	Vi	Both	Vietise
---------	----	------	---------



Like

Share

Be the first of your friends to like this.

In my presentation I'm going to talk about coffee, and its importance both in economic and social terms.

Trong bài thuyết trình hôm nay tôi sẽ trình bày về cà phê và tầm quan trọng của cà phê cả về kinh tế và xã hội.

You will hear part of a presentation by a history student about the history of Coffee

Bạn sẽ nghe một phần của bài thuyết trình của một sinh viên lịch sử về lịch sử của Cà phê.



In my presentation I'm going to talk about coffee, and its importance both in economic and social terms.

Trong bài thuyết trình hôm nay tôi sẽ trình bày về cà phê và tầm quan trọng của cà phê cả về kinh tế và xã hội.

We think it was first drunk in the Arab world, but there's hardly any documentary evidence of it before the 1500s, although of course that doesn't mean that people didn't know about it before then.

Chúng ta cho rằng cà phê được dùng làm thức uống lần đầu tiên ở Ả Rập, nhưng hầu như lại không có bất kì tài liệu chứng cứ nào về sự tồn tại của nó trước những năm 1500, mặc dù hiển nhiên mọi người đã biết về cà phê từ đó trước rồi.

However, there is evidence that coffee was originally gathered from bushes growing wild in Ethiopia, in the northeast of Africa.

Tuy nhiên, có những tài liệu cho rằng cây cà phê lúc đầu được thu hoạch từ những bụi cây dại ở vùng Ethiopia, phía bắc của châu Phi.

In the early sixteenth century, it was being bought by **traders**, and gradually its use as a drink spread throughout the Middle East.

Vào đầu thế kỉ 16, cà phê được các **nhà thương gia** buôn bán trao đổi, và dần dần trở thành một thức uống phổ biến khắp vùng Trung Đông.

It's also known that in 1522, in the Turkish city of Constantinople, which was the centre of the Ottoman Empire, the court physician approved its use as a medicine.

Đến năm 1522, ở thành phố Constantinople của Thổ Nhĩ Kỳ, thành phần trung tâm của đế chế Ottoman, hội đồng thầy thuốc ở đây đã công nhận công dụng của cà phê giống như một loại thuốc.

By the mid-1500s, coffee bushes were being cultivated in the Yemen and for the next hundred years this region produced most of the coffee drunk in Africa and the Arab world.

Đến giữa những năm 1500, những bụi cây cà phê được trồng ở vùng Yemen và trong 100 năm tiếp theo, nơi đây là nơi sản xuất hầu hết cà phê cung cấp cho châu Phi và Ả Rập.

What's particularly interesting about coffee is its effect on social life.

Điều thực sự đặc biệt về cà phê đó là tầm ảnh hưởng của nó tới đời sống xã hội của con người.

It was rarely drunk at home, but instead people went to coffee houses to drink it.

Cà phê hiếm khi được người ta uống khi ở nhà, mà hầu hết họ sẽ đến những tiệm cà phê để thưởng thức.

These people, usually men would meet to drink coffee and chat about issues of the day.

Những người uống cà phê thường là đàn ông, họ gặp nhau, uống cà phê và nói chuyện về những vấn đề trong cuộc sống hàng ngày.

But at the time, this chance to share ideas and opinions was seen as something that was potentially dangerous, and in 1623 the ruler of Constantinople demanded the destruction of all the coffee houses in the city.

Nhưng tại thời điểm đó, cơ hội chia sẻ những ý tưởng và quan điểm như thế được coi là điều gì đó rất nguy hiểm, và đến năm 1623 người đứng đầu của Constantinople đã yêu cầu phá bỏ hết các tiệm cà phê trong thành phố.

Although after his death many new ones opened, and coffee consumption continued.

Mặc dù sau khi ông ta chết đi, có nhiều tiệm cà phê mới đã mở ra và người ta lại tiếp tục thói quen uống cà phê.

In the seventeenth century, coffee drinking spread to Europe, and here too coffee shops became places where **ordinary people**, nearly always men could meet to exchange ideas.

Vào thế kỉ 17, việc uống cà phê đã lan sang châu Âu, và ở đây những quán cà phê trở thành nơi mà **người bình thường**, gần như chủ yếu là đàn ông có thể gặp và trao đổi trò chuyện với nhau.

Because of this, some people said that these places performed a similar function to universities.

Bởi vì vậy mà một số người cho rằng những quán cà phê đó giống như những trường đại học vậy.

The opportunity they provided for people to meet together outside their own homes and to discuss the topics of the day had an enormous impact on social life, and many social movements and political developments had their origins in coffee house discussions.

Mọi người có cơ hội được ra ngoài gặp nhau và trò chuyện cùng nhau để bàn bạc về những chủ đề hàng ngày mà có ảnh hưởng sâu sắc tới cuộc sống xã hội lúc bấy giờ, và rất nhiều những chuyển biến xã hội cũng như sự phát triển về chính trị cũng bắt nguồn từ những cuộc thảo luận ở những tiệm cà phê như thế này.

In the late 1600s, the Yemeni **monopoly** on coffee production broke down and coffee production started to spread around the world, helped by European **colonisation**.

Vào cuối những năm 1600, sự **độc quyền** sản xuất cà phê của Yemeni bị phá vỡ và việc sản xuất cà phê bắt đầu lan rộng ra toàn thế giới bởi sự xâm lược của châu Âu.

Europeans set up **coffee plantations** in Indonesia and the Caribbean and production of coffee in the colonies **skyrocketed**.

Người dân châu Âu đã xây dựng những **đồn điền cà phê** ở Indonesia và vùng Ca-ri- bê và sản xuất cà phê ở các thuộc địa đã **tăng vọt**.

Different types of coffee were produced in different areas, and it's interesting that the names given to these different types, like Mocha or Java coffee, were often taken from the port they were shipped to Europe from.

Những loại cà phê khác nhau được sản xuất ở những vùng khác nhau, và điều thú vị ở đây là tên của những vị cà phê khác như là Mocha hay Java lại thường được lấy bằng tên cảng mà chúng được chuyển từ châu Âu.

But if you look at the labour system in the different colonies there were some significant differences.

Tuy nhiên nếu nhìn vào hệ thống lao động ở những thuộc địa khác nhau lại thấy những điểm khác nhau đáng kể.

In Brazil and the various Caribbean colonies, coffee was grown in huge plantations and the workers there were almost all **slaves**.

Ở Brazil và những thuộc địa của Ca – ri -bê, cà phê được trồng ở những khu đồn điền lớn, và hầu hết những công nhân làm việc ở đó tất cả đều là **nô lệ**.

But this wasn't the same in all colonies; for example in Java, which had been colonised by the Dutch the **peasants** grew coffee and passed a proportion of this on to the Dutch, so it was used as a means of taxation.

Nhưng không phải ở tất cả các đồn điền đều như vậy, ví dụ như Java một vùng thuộc địa thuộc sự cai trị của Hà Lan, những người **nông dân** ở đây trồng cà phê sau đó nộp một phần lại cho chủ địa chủ Hà Lan như là một hình thức nộp thuế.

But whatever system was used, under the European powers of the eighteenth century, coffee production was very closely linked to **colonisation**.

Tuy nhiên dù hệ thống thuộc địa có vận hành thế nào, thì dưới quyền cai trị của châu Âu những năm thế kỉ 18, việc sản xuất cà phê gắn liền với **quá trình xâm chiếm thuộc địa**.

Coffee was grown in ever-increasing quantities to satisfy the growing demand from Europe, and it became nearly as important as sugar production, which was grown under very similar conditions.

Cà phê được trồng ngày càng nhiều với số lượng lớn để đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của châu Âu, và việc sản xuất cà phê trở nên ngày càng quan trọng giống như sản xuất đường cũng cùng với điều kiện như vậy.

However coffee prices were not yet low enough for people to drink it regularly at home so most coffee consumption still took place in public coffee houses and it still remained something of a luxury item.

Tuy nhiên, giá cà phê thì khá là đắt nên mọi người không thể thường xuyên uống cà phê ở nhà mà thay vào đó mọi người vẫn phải tới những tiệm cà phê để uống, và loại thức uống này trở thành một món đồ uống xa xỉ thời bấy giờ.

In Britain, however, a new drink was introduced from China, and started to become popular gradually taking over from coffee, although at first it was so expensive that only the **upper classes** could afford it.

Ở Anh, ở loại đồ uống từ Trung Quốc du nhập vào và trở thành một đồ uống phổ biến dần dần thế chỗ của cà phê, mặc dù lúc đầu nó rất đắt đến nỗi mà phải **tầng lớp thượng lưu** mới có đủ tiền để thưởng thức loại thức uống này.

This was tea, and by the late 1700s it was being widely drunk.

Đó là trà, và đến cuối những năm 1700, trà được uống ở khắp mọi nơi.

However, when the USA gained independence from Britain in 1776, they identified this drink with Britain, and coffee remained the preferred drink in the USA, as it still is today.

Tuy nhiên, khi Mỹ giành được độc lập từ Anh năm 1776, họ đã đồng nhất hóa loại đồ uống này với Anh, và cà phê vẫn giữ được sự yêu thích của người Mỹ cho đến tận ngày nay.

So, by the early nineteenth century, coffee was already being widely produced and consumed.

Vì thế, đến đầu thế kỉ 19, cà phê đã được sản xuất và sử dụng rộng rãi.

But during this century, production boomed and coffee prices started to fall.

Nhưng trong suốt thế kỉ, sản xuất cà phê bùng nổ và giá cà phê bắt đầu giảm.

This was partly because new types of transportation had been developed which were cheaper and more efficient.

Đó là một phần bởi vì những loại phương tiện mới vừa rẻ lại hiệu quả hơn đang trong đà phát triển.

So now, working people could afford to buy coffee - it wasn't just a drink for the middle classes.

Thế nên về sau, những người làm việc trong nhà máy cũng có thể mua được cà phê vì nó không chỉ là thức uống cho tầng lớp trung lưu nữa.

And this was at a time when large parts of Europe were starting to work in industries.

Và đó là khi một phần lớn người dân châu Âu bắt đầu làm việc trong những nhà máy công nghiệp.

And sometimes this meant their work didn't stop when it got dark, they might have to continue throughout the night.

Và thi thoảng, công việc của những người thợ không chỉ dừng lại khi trời trở tối nữa mà họ có thể tiếp tục công việc vào lúc đêm muộn.

So, the use of coffee as a stimulant became important - it wasn't just a drink people drank in the morning, for breakfast.

Vì thế, việc sử dụng cà phê như là một chất kích thích trở nên vô cùng quan trọng, vì cà phê không còn chỉ là một loại thức uống mà mọi người uống vào buổi sáng và trong bữa sáng nữa.

Like

Share

Be the first of your friends to like this.

## Từ vựng trong bài

**slave:** nô lệ

**colonisation:** quá trình xâm chiếm thuộc địa

**coffee plantations:** đồn điền cà phê

**skyrocket:** tăng vọt

**ordinary people:** người bình thường

**peasant:** nông dân

**upper classes:** tầng lớp thượng lưu

**trader:** nhà thương gia

**monopoly:** độc quyền

FB

